

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/ HS - ST
Ngày 11 - 5 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Như Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Phạm Tuấn Thịnh

Bà: Trần Thị Huệ

Thư ký phiên toà: Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Mai Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2020/TLST-HS ngày 10/4/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HS ngày 28/4/2020 đối với bị cáo:

Trần Văn T (Tên gọi khác: Không) – Sinh ngày: 27/7/1990 tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn 3 Nhai Thỏ, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Trần Văn M; Sinh năm: 1960; Con bà: Nguyễn Thị V; Sinh năm: 1961.

Đều trú tại: Thôn 3 Nhai Thỏ, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai .

Vợ: Đặng Thị T; Sinh năm 1995; Trú tại: Thôn 3 Nhai Thỏ, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai (Đã ly hôn năm 2019)

Bị cáo có 02 con Lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Năm 2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt Trần Văn T 12 tháng tù về tội " Gây rối trật tự công cộng" theo bản án số 73/2012/HSST ngày 04/12/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai. Ngày 31/5/2013 Trần Văn T đã chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 08/3/2013 thi hành xong khoản tiền án phí HSST. Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội lần này Trần Văn T đã được xóa án tích theo quy định của pháp luật.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/02/2020, tạm giam ngày 17/02/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên toà.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Tr; Sinh năm: 1963 và anh Hoàng Đình Đ ; Sinh năm: 1967.

Đều trú tại: Thôn Khu 3, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai (Nay là Thôn Khu 3, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng Đình Đ là chị Nguyễn Thị Tr (Theo giấy ủy quyền ngày 17/02/2020) - Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Đoàn Văn Q, Nguyễn Bá T, Vũ Đức H, Ngô Văn V, Triệu văn M - Đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị V - Đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 07/02/2020 Trần Văn T Sinh năm 1990 là người trú tại thôn 3 Nhai Thổ, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai do không có tiền tiêu sài cá nhân nên Trần Văn T đã điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 24P2 - 5413 do Trần Văn T mượn của chị Nguyễn Thị X là người trú tại thôn K, xã S, huyện B tỉnh Lào Cai. Trần Văn T điều khiển xe đi theo hướng từ nhà lên thị trấn P, khi đến thôn Khu 3, xã P, huyện B (Nay là thôn Khu 3, thị trấn P, huyện B) Trần Văn T phát hiện bên phải đường theo hướng đi, nhà chị Nguyễn Thị Tr có 01 con trâu đang buộc ở gốc nhãn gần khu vực chuồng trâu nhà chị Nguyễn Thị Tr, nên Trần Văn T nảy sinh ý định trộm cắp con trâu này đem bán lấy tiền để tiêu sài cá nhân. Sau khi xem xét địa hình vị trí cất dấu xe và chỗ gia đình chị Nguyễn Thị Tr buộc trâu Trần Văn T quay lại theo đường cũ về nhà ở K, huyện B. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày Trần Văn T một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 24P2 - 5413 từ nhà đi qua nhà chị Nguyễn Thị Tr khoảng 02 Km sau đó cất dấu xe máy rồi đi bộ quay lại nhà chị Nguyễn Thị Tr. Khi đến nơi lúc này khoảng 0 giờ 30 phút ngày 08/02/2020, quan sát không có ai, nhà chị Nguyễn Thị Tr đã đi ngủ, Trần Văn T đi vào chuồng trâu mở cửa chuồng, bên trong chuồng có 01 con trâu cái, màu lông Đen - Vàng, cổ đeo chuông sắt, mũi được buộc bằng dây thừng được buộc vào cột bê tông ở góc chuồng. Trần Văn T dắt trâu ra ngoài, đóng cửa chuồng lại như cũ và sau đó Trần Văn T dắt trâu đi bộ theo hướng đi trung tâm thị trấn P và đến một bãi đất trống tại khu tái định cư thuộc tổ dân phố P 2, thị trấn P và buộc trâu ở đó. Sau đó Trần Văn T đi bộ quay lại lấy xe máy và điều khiển lên vị trí để trâu vừa trộm cắp được. Khi quay lại Trần Văn T không thấy trâu đâu, Trần Văn T đi tìm xung quanh khu vực buộc trâu nhưng không thấy. Cùng ngày Trần Văn T gặp anh Đoàn Văn Q là người có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố P 2, thị trấn P, Trần Văn T có nói với anh Đoàn Văn Q trâu của mình bị lạc và nhờ anh Đoàn Văn Q dẫn đi tìm trâu. Khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày Trần Văn T tìm thấy trâu ở đồi cây thuộc tổ dân phố P 2. Sau khi tìm được trâu Trần Văn T dắt trâu buộc vào hàng rào nhà anh Đoàn Văn Q, đồng thời Trần Văn T gọi điện thoại cho Vũ Đức H là người trú tại thôn C, xã Tr, huyện B để thuê Vũ Đức H chở trâu đến chợ C, huyện S để tiêu thụ. Cùng trong thời gian này Trần Văn T còn hỏi anh Đoàn Văn Q tìm người mua trâu thì anh Đoàn Văn Q có giới thiệu đến gặp Nguyễn Bá T là người ở thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai là

người chuyên mua, bán trâu. Sau khi gặp anh Nguyễn Bá T trao đổi thì hai bên thỏa thuận bán với giá 18.000.000đ nhưng anh Nguyễn Bá T có yêu cầu Trần Văn T xuất trình giấy tờ tùy thân và viết giấy mua bán trâu. Lúc này Trần Văn T sợ bị phát hiện là trâu do trộm cắp mà có nên đã lấy lý do anh Nguyễn Bá T trả rẻ nên không bán nữa và gọi điện thoại cho Vũ Đức H thuê chở trâu về thôn C, xã Tr. Trong lúc đợi xe Trần Văn T đã bỏ lại trâu và xe biển kiểm soát 24P2 - 5413 ở cạnh nhà anh Đoàn Văn Q. Quá trình trao đổi mua bán trâu anh Nguyễn Bá T có nghi ngờ là trâu do Trần Văn T trộm cắp nên đã gọi điện báo công an huyện B. Sau khi tiếp nhận thông tin công an huyện B đã làm việc và thu giữ xe và con trâu do Trần Văn T trộm cắp. Đến ngày 11/02/2020 Trần Văn T đã đến công an huyện B đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/KL - HDDG ngày 12/02/2020 của hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: 01 con trâu cái 24 tháng tuổi, cân nặng khoảng 240Kg, màu lông Đen - Vàng, dài 1,8 m, cao 1,2 m, vòng bụng 1,9m, sừng dài 0,28cm có trị giá tại thời điểm xảy ra vụ án là 23.700.000đ (Hai mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số 12/CT-VKSBT ngày 09/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Viện kiểm sát không đề cập xử lý.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 con trâu cái 24 tháng tuổi, cân nặng khoảng 240 kg, màu lông Đen - Vàng, dài 1,8 m, cao 1,2 m, vòng bụng 1,9m, cổ đeo chuông sắt; 01 xe máy nhãn hiệu YMT, màu sơn Đỏ - Đen biển kiểm soát 24P2 - 5413 số khung 6TA04044, số máy 007566. Cơ quan điều tra công an huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng số 06 ngày 20/3/2020 trả lại cho các chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Tr và chị Nguyễn Thị X theo biên bản về việc trả lại đồ vật tài liệu ngày 23/3/2020. Đến nay những người này không có ý kiến gì nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Lào Cai, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp và đúng với trình tự thủ tục tố tụng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp khách quan với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 08/02/2020 Trần Văn T lợi dụng đêm tối, gia đình chị Nguyễn Thị Tr đã đi ngủ, Trần Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 con trâu của gia đình bà Nguyễn Thị Tr và ông Hoàng Đình Đ có trị giá là 23.700.000đ (Hai mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng) với mục đích đem đi bán lấy tiền để tiêu sài cá nhân. Khi lấy được trâu Trần Văn T đem trâu đi bán cho anh Nguyễn Bá T là người ở thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Trong quá trình trao đổi mua bán trâu anh Nguyễn Bá T có nghi ngờ đây là tài sản do Trần Văn T trộm cắp được mà có do vậy Nguyễn Bá T đã điện thoại trình báo công an huyện B. Đồng thời lúc này Trần Văn T lấy lý do là anh Nguyễn Bá T trả giá rẻ nên không bán nữa và gọi điện thoại cho anh Vũ Đức H thuê chở trâu về thôn Cầu Nhò xã Trì Quang, huyện B. Do sợ bị phát hiện Trần Văn T đã bỏ lại trâu và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 24P2 - 5413 ở cạnh nhà anh Đoàn Văn Q và bỏ trốn. Sau khi tiếp nhận thông tin công an huyện B đã tiến hành làm việc và thu giữ con trâu do Trần Văn T trộm cắp và 01 xe mô tô biển kiểm soát 24P2 - 5413. Đến ngày 11/02/2020 nhận thấy hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật Trần Văn T đã đến cơ quan điều tra công an huyện B đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác đã có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn T đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xong tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử chỉ áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm s Khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa chính xác. Trong trường hợp này cần áp dụng cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ " Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn" theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Bộ luật hình sự. Do vậy đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa phạt bị cáo với mức hình phạt tù từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù là cao.

Xong xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Mặt khác bản thân bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu, năm 2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt Trần Văn T 12 tháng tù về tội " Gây rối trật tự công cộng", tuy nhiên bị cáo đã chấp hành xong bản án này, tính đến thời điểm phạm tội lần này bị cáo đã được xóa án tích. Không lấy đó làm bài học để rèn luyện tu dưỡng bản thân mà bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh và lên một mức hình

phạt phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Trần Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Trần Văn T có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều h, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đó là " Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, hoặc gây thiệt hại không lớn" tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" và 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; Bản thân bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú tại cơ quan điều tra, bản thân có điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do vậy khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần cân nhắc xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thể hiện tính khoan hồng của nhà nước ta.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Liên quan trong vụ án còn có Đoàn Ngọc Q là người giúp bị cáo Trần Văn T đi tìm trâu và giới thiệu người mua trâu; Nguyễn Bá T là người đến trao đổi mua bán trâu; Vũ Đức H là người được Trần Văn T gọi điện thuê trở trâu đi tiêu thụ. Quá trình điều tra xác định những người này đều không biết con trâu do Trần Văn T trộm cắp mà có, nên cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không đề cập xử lý là có căn cứ, đúng pháp luật nên hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra gia đình bị hại bà Nguyễn Thị Tr đã được cơ quan điều tra công an huyện B trả lại tài sản gồm: 01 con trâu cái 24 tháng tuổi, cân nặng khoảng 240 kg, màu lông Đen - Vàng, dài 1,8 m, cao 1,2 m, vòng bụng 1,9m, cô đeo chuông sắt theo biên bản về việc trả lại tài liệu đồ vật ngày 23/3/2020. Đến nay gia đình chị Nguyễn Thị Tr không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản chi phí nào khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Viện kiểm sát không đề cập xử lý Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên không đề cập xử lý.

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe máy nhãn hiệu YMT, màu sơn Đỏ - Đen biển kiểm soát 24P2 - 5413 số khung 6TA04044, số máy 007566. Cơ quan điều tra công an huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng số 06 ngày 20/3/2020 trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị X theo biên bản về việc trả lại đồ vật tài liệu ngày 23/3/2020. Đến nay chị Nguyễn Thị X không có ý kiến gì nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên không đề cập xử lý.

[9] Về án phí:

Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 11/02/2020.

2. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại. Báo cho bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Sở tư pháp tỉnh Lào Cai;
- Trại giam công an tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- PC 81;
- THA HS - DS (03);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- lưu HS – TA- VP(03).

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Như Long

